Các bước xây dụng csdl

1. các bước thiết kế csdl

TK csdl mức khái niệm:

Là sự trừu tượng hóa của thế giới thực

Là sơ đồ thực thể liên kết dung để mô tả csdl mức khái niệm

Các thành phaanf thực thể thuộc tính mối quan hệ quy tác nghiệp vụ dữ liệu giao nhau

TK csdl mức logic là quá trình chuyển csdl mức khái niêmk

Csdk là mức vật lý bao gồm : bảng (table) mối quan hệ (relationship)

Một bộ dũ liệu được biểu diễn là 1 hàng

2.

Thực thể là đối tượng địa điểm con người trong thế giới thực được lưu trữ thông tin trong csdl

Một thực thể được biểu diễn là một bẳng

Thuộc tính là đặc tính riêng biệt của thực thể

Là tính chất của thực thể cần được quản lý

Chỉ quan tâm tính chất của có liên quan tới ứng dụng

Chuyển qua lược đồ quan hệ chở thành cột trong bảng

3. mối quan hệ

Là mối liên kết giữa hai hay nhiều thực thể

Có 3 mối quan hệ 1-1;1-n;n-1;n-n

+1-1: mối thực thể tập này liên kết với nhiều nhất 1 thực thể của tập kia và ngược lại

+1-n: một thực thể của tập này có thể liên kết với nhiều thực thể của tập kia

+n-n:một thực thể của tập này có thế liên với 0,1 hoặc nhiều thực thể của tập kia và ngượ lại

4.Quy tác nghiệp vụ:

Lầ các thủ tục , nguyễn tác hay các chuẩn phải tuân theo

Các quy tác này thể hiện trong trong csdl như các rằng buộc (constraint)

5.Kiểu DL

Kiểu dl là loại dl của 1 cột( trường) trong 1 bảng dl như:số(int), ký tự(nvarchar)(tiếng việt có giấu),

-vd int,nvarchar,datetime

\*khóa:

Khóa chính là thuộc tính được xác định duy nhất

Các tạo khóa chính CONSTRAINT PK\_TENBANGPRIMARYKEY(TEN COT)

* khóa ngoại:

+là cột mà nó là khóa chính của bảng khác

+ các tạo khóa ngoại :

CONSTRAINT FK\_BANG1\_BANG2FPREIGNKEY(TENCOT) REFERENCES TENBANGPK

6.Cách tạo bảng và tạo csdl

- các tạo csdl:

Create database<tencsdl>

Các tạo bảng

If object\_id(‘tenbang’) is not null

Drop table tenbang

Go

Create table <tenbang>

(

<Cột 1><kieudl[phamvi]>[tham số],

<Cột 2><kieudl[phamvi]>[tham số],

…

[PK],[FK].

)

7.Caìc khai niêm múc vật lý

Rằng buộc toàn vẹn:

Not null: bắt buộc phải nhập dl

Check :kiểm tra Dl nhập vào

Null không bắt buộc nhập dl

8.hệ quản trị csdl quan hệ

RDBMS: relational database managenment system

Vai trò chịu trách nghiệm phân quyền trong hệ qtri CSDL Là người quản trị dl

Người dùng liên quan đến HQTCSDl

Người quản trị CSDL

Người cuối cùng

Người lập trình UD

Bài 3 : Mô hình ERD và chuẩn hóa CSDL

1. vì sao cần mô hinh hóa giữ liệu :

+ khi gặp các bất thường: them sửa xóa ,cập nhập

+mục đích của việc chuẩn hóa là loại bỏ các bất thường của 1 quan hệ để có quan hệ mới có cấu trúc tốt hơn nhỏ hơn

1. quá trình thiết kế cơ sở dũ liệu

ý tưởng -> thiết kế ERD -> lược đồ quan hệ->

* cách tiếp cận :

+ tiếp cận từ trên xuống và cũng có thế từ dưới lên

3 . thuộc tính là những được tính riêng của tập thực thể

* Là những đặc tính riêng của tập thực thể
* Các loại thực tính

+ thuộc tính đơn : khong thể tách nhỏ ra được

+ thuộc tính kết hợp : có thể tách thành nhiều nhỏ hơn thuộc tính đơn trị có giá trị duy nhất một thực thể

+ thuộc tính đơn trị : có một thực thể duy nhất

+ thuộc tính đa trị :có thể có nhiêu giá trị khác nhau ở cùng một thực thể

+ thuộc tính suy diễn: từ một thuộc tính khác

4.Câu lệnh delete:

Xóa DL trong bảng

* Cú pháp :  
  DELETEFROM<TENBANG>

[WHERE<ĐIỀU KIỆN>]

Ví dụ xóa phòng ban có mã “PB007”

DELETE FROM PHONGBAN

WHERE MAPB = ‘PB007’

5.Câu lệnh INSERT

+ chèn them dữ liệu vào bảng

+ cú pháp :

INSERT INTO<TENBANG> VALUES (DS GIÁ TRỊ)

Hoặc :  
INSERT INTO<TENBANG(DS CỘT )> VALUES (DS GIÁ TRỊ)

6. Câu lênh UPDATE:

-cập nhâp dũ liệu trong bảng

- cú pháp :

UPDATE<TENBANG>

SET = GIÁ TRỊ

[WHERE<ĐIỀU KIỆN>]